

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 452/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 03-11-2017

V/v ly hôn giữa chị Phạm Thị Thuý N và
anh Nguyễn Minh T

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Anh

Các hội thẩm nhân dân: 1) Bà Vương Thị Minh Tân

2) Ông Nguyễn Văn Quỳ

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thanh Hương – Thư ký Toà án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Phương – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 375/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thuý N, sinh năm 1976

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu: Số nhà A đường B, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định

Nơi cư trú: Số nhà C ngách Y ngõ X đường B, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1974

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu: Số nhà A đường B, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định

Nơi cư trú: Số nhà C ngách Y ngõ X đường B, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định

3. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Lịch, sinh năm 1954

Địa chỉ cư trú: Số nhà X ngõ Y phố P, phường T, thành phố Nnh Bình , tỉnh N.

(Chị N, anh T, bà L có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 03-10-2017, bản tự khai ngày 16-10-2017 và trong quá trình xét xử; nguyên đơn là chị Phạm Thị Thuý N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Minh T có thời gian tìm hiểu khoảng 2 năm rồi tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q – thành phố N vào ngày 01/09/1999 trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời, vợ chồng bất đồng quan điểm hay cãi nhau, anh T có đánh chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 đến. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

- *Về nuôi con chung:* vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 16-8-1999 và Nguyễn Thị Thái B, sinh ngày 16-11-2003. Cháu T đã đủ tuổi trưởng thành. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thị Thái B. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về chia tài sản chung:* Vợ chồng chị không có tài sản chung gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

2. *Tại bản tự khai ngày 24-10-2017, biên bản hòa giải ngày 24-10-2017 và trong quá trình xét xử; bị đơn là anh Nguyễn Minh T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị N trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nay chị N xin ly hôn, anh không đồng ý.

- *Về nuôi con chung:* Anh thống nhất như lời trình bày của chị N.

- *Về chia tài sản chung:* Anh thống nhất như lời trình bày của chị N.

3. *Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng vào ngày 17-10-2017 và trong quá trình xét xử; bà Nguyễn Thị Li cung cấp:*

Bà là mẹ đẻ chị Phạm Thị Thuý N. Chị N và anh đăng ký kết hôn vào năm 1999. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T chơi bời và có đánh chị N nhiều lần nên chị N phải về bố mẹ đẻ ở một thời gian. Gia đình đã nhiều lần hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T không khắc phục được khuyết điểm. Về con chung: vợ chồng anh chị có hai con chung. Bà đề nghị Toà án giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung của chị N và anh T theo quy định của pháp luật.

4. *Tại đơn đề nghị đề ngày 24-10-2017, cháu Nguyễn Thị Thái B - con chung của chị N và anh T trình bày:* Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố.

5. *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về việc T theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 99 và Điều 97 Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã T theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Tại phiên toà, thư ký phiên toà đã T thủ đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử lý hôn giữa chị N và anh T; Giao chị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thái B. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thuý N và anh Nguyễn Minh T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T có đánh chị N. Gia đình đã hòa giải để anh, chị đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Xét hôn nhân của chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N và anh T ly hôn theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về nuôi con chung:* Chị N và anh T có hai con chung. Cháu Nguyễn Thị Thu T đã đủ tuổi trưởng thành; cháu Nguyễn Thị Thái B, sinh ngày 16-11-2003. Chị N và anh T thỏa thuận thống nhất: Sau khi ly hôn, chị N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Thị Thái B; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Thị Thái B có nguyện vọng được ở với bố. Xét sự thỏa thuận về nuôi con chung của chị N và anh T là tự nguyện, không vi phạm đạo đức, phù hợp với qui định của pháp luật. Mặc dù nguyện vọng của cháu B là được ở với bố nhưng xét hiện tại anh T không có nghề nghiệp ổn định; chị N có điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con; mặt khác cháu Thái B là con gái đến tuổi trưởng thành, nếu giao cháu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ phù hợp hơn. Vì vậy giao cháu Nguyễn Thị Thái B cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] *Về chia tài sản chung:* Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị N là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Thuý N và anh Nguyễn Minh T.

2. Giao cháu Nguyễn Thị Thái B, sinh ngày 16-11-2003 cho chị Phạm Thị Thuý N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của Phạm Thị Thuý N không yêu cầu anh Nguyễn Minh T **phải cấp dưỡng nuôi con chung**.

Chị Phạm Thị Thuý N và anh Nguyễn Minh T có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Phạm Thị Thuý N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại biên lai số 0000566 ngày 04-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Chị Phạm Thị Thuý N và anh Nguyễn Minh T được quyền kháng cáo bản trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND phường Q, TP. N
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Mai Anh